TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI NGUYÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 141/2025/DS-PT
Ngày: 23/8/2025.
V/v Tranh chấp tiền bồi thường đất khi nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản.
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Giang bà Vũ Thị An
Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLPT - DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp Đòi lại tài sản là tiền bồi thường đất khi nhà nước thu hồi. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo của nguyên đơn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2025/QĐPT-DS ngày 07 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt) và bà Hà Thị X, sinh năm 1969 (Có mặt)

Đều địa chỉ: TDP H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là phường V, tỉnh Thái Nguyên*)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP Ấ, phường H, thành phố P, Thái Nguyên. *(Nay là là phường V, tỉnh Thái Nguyên)*

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: TDP T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. (Nay là phường V, tỉnh Thái Nguyên*)*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND thành phố P

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T - Chủ tịch UBND thành phố P.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ cũng như bản án sơ thẩm : Nguyên đơn bà Hà Thị X trình bày: Năm 1986 bà kết hôn với ông Tạ Văn H. Năm 1982 Hợp tác xã H1 tan rã và chia đất cho các hộ gia đình. Năm 1992 gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình mang tên ông Tạ Văn H. Đến khoảng năm 1997, 1998 gia đình bà có đổi thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8, diện tích 310m^2, mục đích sử dụng LM, địa chỉ: xã T, huyện P (nay là TDP T, phường T, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên cho ông Nguyễn Xuân L để thuận tiện cho việc canh tác, còn gia đình bà nhận thửa đất số 1915, tờ bản đồ số 8, diện tích 290m^2, đất trồng lúa ở xứ đồng Nương của ông Nguyễn Xuân L để thuận tiện cho việc canh tác. Việc đổi đất chỉ thỏa thuận bằng miệng và không nói đến thời hạn trả lại, chỉ nói để tiện canh tác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ai vẫn giữ nguyên, không được sang tên. Gia đình bà sử dụng thửa đất số 1915 và gia đình bà đã trả lại cho nhà ông L năm 2019, còn thửa đất số 1135 gia đình bà đã lấy lại từ năm 2019, việc bà lấy lại đất ông L có biết và nói tại UBND phường T, từ đó đến nay gia đình bà cấy lúa trên thửa đất đó. Việc ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8 vào năm 1999. Năm 2000 gia đình bà cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8 mang tên chồng bà ông Tạ Văn H. Việc ông L được cấp bìa đỏ thửa đất trên gia đình bà không được biết. Đến năm 2019 Nhà nước có dự án làm đường vành đai và thu hồi một phần đất thì gia đình bà mới được biết đất gia đình bà đã nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông L. Năm 2021 Ủy ban nhân dân thị xã P (nay là UBND thành phố P) có quyết định số 8626/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc thu hồi và hủy bỏ thửa đất cấp sai trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành Q 750660 do UBND huyện P cấp ngày 20/7/2000 mang tên ông Tạ Văn H có địa chỉ tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do không nhất trí với quyết định số 8626 ngày 26/8/2021 của UBND thị xã P (nay là thành phố P) nên gia đình bà có đơn khiếu nại và đã được trả lời nhưng gia đình bà không nhất trí với trả lời khiếu nại.

Nay bà X, ông H yêu cầu ông Nguyễn Xuân L phải trả cho gia đình bà số tiền mà ông L đã nhận bồi thường do làm đường vành đai. Đồng thời, bà ý kiến bổ sung yêu cầu như sau: Ông Nguyễn Xuân L phải có trách nhiệm trả thửa đất số 1135, tờ bản đồ 8 cho gia đình bà để gia đình bà tiếp tục canh tác. Bà X, ông H không nhất trí Quyết định số 8626 ngày 26/8/2021 cảu UBND thị xã P (nay là thành phố P) về việc thu hồi và hủy bỏ thửa đất cấp sai trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành Q 750660 do UBND huyện P 20/7/2000

mang tên ông Tạ Văn H có địa chỉ tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên và phải giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 750660 đối với thửa đất 1135, tờ bản đồ 8.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Văn H: Ông Nguyễn Văn V nhất trí với ý kiến trình bày của bà X. Ông cho rằng tại sao có việc năm 1999 ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1135, tờ bản đồ số 8 nhưng ông H không được biết. Ông mong muốn thỏa thuận như sau: Thửa đất ban đầu của nhà ai thì nhà đấy sử dụng, ông L sử dụng thửa đất số 1915, tờ bản đồ số 8, diện tích 290m^2 của nhà ông L, còn ông H sử dụng thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân L trình bày: Ông có quan hệ họ hàng với ông Tạ Văn H, ông H gọi ông L bằng chú. Do ông H có nhu cầu đổi đất gần nhà để thuận tiện canh tác nên hai chú cháu có thỏa thuận đổi đất cho nhau năm 1995. Việc thỏa thuận đổi không lập thành văn bản, chỉ trao đổi bằng miệng, không có ai chứng kiến. Việc thỏa thuận đổi đất như sau: ông nhận thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8, diện tích 310m^2 của ông Tạ Văn H, còn ông H nhận thửa đất số 1915, tờ bản đồ số 8, diện tích 290m^2 của ông. Đến năm 1998 giữa hai gia đình thoả thuận đổi ruộng vĩnh viễn để bên nào bên ấy kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1999 ông kê khai và được nhà nước cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 08, diện tích 310m^2, địa chỉ: xóm T, xã T, huyện P (nay là TDP T, phường T, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên. Gia đình ông sử dụng canh tác ổn định, hàng năm có trồng 02 vụ lúa, xen kẽ 01 vụ hoa màu. Năm 2017 Nhà nước có chủ trương thu hồi một phần diện tích thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 08, diện tích 310m^2 để làm đường vành đai 5. Ông nhất trí và đã nhận tiền đền bù. Nhà nước thu hồi đất diện tích khoảng 35m^2, giá trị bồi thường là 302.000 đồng/m^2. Ông nhận được số tiền khoảng hơn 10 triệu đồng. Ông xác nhận có đến nhận tiền ở Ban bồi thường giải phóng mặt thành phố P và có ký nhận tiền. Diện tích còn lại của thửa đất, gia đình ông vẫn sử dụng ổn định. Năm 2019 bà X vợ ông H đến tranh chấp sau đó có đơn khiếu nại. Nay ông H, bà X khởi kiện ông yêu cầu ông trả lại số tiền nhận bồi thường do nhà nước thu hồi đất và yêu cầu ông trả thửa đất 1135, tờ bản đồ số 08, diện tích 310m^2 ông không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến: Tại Công văn số 1451/UBND – TN&MT ngày 27/11/2019 của UBND thị xã P (nay là UBND thành phố P) về việc trả lời đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông Nguyễn Xuân L đã xác định.

1. Việc 2 hộ gia đình tự nguyện đổi đất cho nhau khi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có văn tự là không có cơ sở xem xét giải quyết.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định "Người sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "

- Vì vậy đến năm 1999 ông Nguyễn Xuân L kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 08, khi mà gia đình đã sử dụng ổn định từ năm 1996 và không có tranh chấp, được UBND xã T (nay là UBND phường T) xác nhận, do đó việc UBND huyện P (nay là UBND thành phố P) thời điểm đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1135 là hoàn toàn đúng quy định.

- Năm 2000 gia đình ông Tạ Văn H cũng đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó cũng có thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8, diện tích 310m^2. Việc UBND xã T (nay là UBND phường T) xác nhận sử dụng ổn định là không đúng quy định vì năm 1999 đã xác nhận và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân L.

Tại Công văn số 1560/UBND-TNMT ngày 26/10/2020 của UBND thị xã P (nay là UBND thành phố P) về việc trả lời đơn của ông Tạ Văn H, đã trả lời như sau:

Thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8, diện tích 310m^2 loại đất trồng lúa đã được UBND huyện P (nay là UBND thành phố P) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 503089, cấp ngày 28/9/1999 cho gia đình ông Nguyễn Xuân L, xóm T, xã T là hoàn toàn đúng quy định. UBND thị xã (nay là UBND thành phố) giao cho Ban bồi thường GPMB tiến hành kê khai và lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thửa đất số 1135, diện tích 310 m^2, tờ bản đồ số 8 cho hộ ông Nguyễn Xuân L theo quy định hiện hành. Bởi vậy, việc gia đình ông Tạ Văn H đề nghị cung cấp quyết định thu hồi và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB tại thửa đất số 1135, diện tích 310 m^2, tờ bản đồ số 8 là không có cơ sở.

Tại Quyết định số 8626/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND thị xã P (nay là UBND thành phố P) đã ban hành quyết định. Về việc thu hồi và hủy bỏ thửa đất cấp sai trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành Q 750660 do UBND huyện P cấp ngày 20 tháng 7 năm 2000 mang tên ông Tạ Văn H có địa chỉ tại xóm H, xã T, huyện P (nay là xóm H, xã T, thị xã P), tỉnh Thái Nguyên.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phổ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 157; 165; 166; 235; 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, 163, 165, 385, 500, 501 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, 27, 37, 45, 134, 135, 137, 235, 236 Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn H, bà Hà Thị X về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân L trả số tiền mà ông L đã nhận đền bù do làm đường vành đai tại thửa đất 1135, tờ bản đồ 8, địa chỉ: phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên và ông L phải có trách nhiệm trả thửa đất số 1135, tờ bản đồ 8, diện tích theo hiện trạng là 191,5 m^2 cho gia đình ông H bà X.

2. Đối với yêu cầu không nhất trí Quyết định số 8626/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của U (nay là TP P) về việc thu hồi và hủy bỏ thửa đất cấp sai trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành Q 750660 do UBND huyện P cấp ngày 20/7/2000 mang tên ông Tạ Văn H có địa chỉ tại xóm H, xã T, huyện P (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên và yêu cầu phải giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 750660 đối với thửa đất 1135, tờ bản đồ 8. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(Có sơ đồ trích đo diện tích đất kèm theo).

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Tạ Văn H và Hà Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo theo giá ngạch là 764.850đ (Bẩy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng) được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên theo biên lai số 0002147 ngày 15/4/2022. Trả lại bà X 1.735.150đ (Một triệu bẩy trăm ba mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

4.Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Tạ Văn H và bà Hà Thị X phải chịu chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí định giá tài sản) là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Xác nhận bà X đã nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và hoàn trả cho bà X 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Ngay sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Hà Thị X kháng cáo không nhất trí với một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà Hà Thị X chỉ kháng cáo nội dung " *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn H, bà Hà Thị X về việc yêu cầu*

ông Nguyễn Xuân L trả số tiền mà ông L đã nhận đền bù do làm đường vành đai tại thửa đất 1135, tờ bản đồ 8, địa chỉ: phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên và ông L phải có trách nhiệm trả thửa đất số 1135, tờ bản đồ 8, diện tích theo hiện trạng là 191,5 m^2 cho gia đình ông H bà X"

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, sau khi tóm tắt nội dung cũng như phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Nay là tòa án nhân dân khu vực 2 tỉnh Thái Nguyên)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà Hà Thị X kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Ông Tạ Văn H và ông Nguyễn Xuân L có quan hệ họ hàng với nhau, ông H gọi ông L bằng chú. Do ông H (chồng bà X) có nhu cầu đổi đất để gần nhà thuận tiện canh tác nên hai chú cháu có thỏa thuận đổi đất cho nhau từ năm 1995. Việc thỏa thuận đổi đất không lập thành văn bản, chỉ trao đổi bằng miệng, không có ai chứng kiến. Ông L nhận canh tác thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 8, diện tích 310m^2 của Tạ Văn H, còn ông H nhận và canh tác thửa đất số 1915, tờ bản đồ số 8, diện tích 290m^2 của ông L. Đến năm 1998 hai bên gia đình thoả thuận đổi ruộng vĩnh viễn để bên nào thực hiện việc cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất của bên đó. Năm 1999 ông L kê khai và đã được UBND huyện P (nay là UBND phường V) cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất số P 503089 ngày 28 tháng 9 năm 1999 đối với thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 08, diện tích 310m^2, mục đích sử dụng LM, địa chỉ: xã T, huyện P (nay là phường V, tỉnh Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên. Quá trình canh tác: Gia đình ông L sử dụng ổn định, hàng năm trồng 02 vụ lúa, xen kẽ 01 vụ hoa màu. Còn gia đình ông H quản lý, sử dụng thửa đất số 1915, tờ bản đồ số 8, diện tích 290m^2 của ông L. Sự trao đổi quyền sử dụng đất giữa 02 gia đình được coi là giao dịch dân sự, thể hiện sự thỏa thuận của các bên, xác lập và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định, phù hợp với quy định tại các Điều 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào việc thỏa thuận đổi đất mà hai gia đình thừa nhận, theo thỏa

thuận kể từ khi trao đổi đất các bên đương sự không thắc mắc, khiếu kiện. Điều đó cho thấy gia đình ông H, bà X hoàn toàn nhất trí với thửa đất của gia đình đã đổi cho gia đình ông L mà ông L đã canh tác và sau đó thực hiện việc kê khai cấp quyền sử dụng đất. Điều đó cho thấy các bên đều đã thực hiện nghĩa vụ đổi đất cho nhau, qua kiểm tra hiện trạng các bên đã sử dụng diện tích đất đổi đúng như mục đích ban đầu. Do vậy có căn cứ xác định các bên đã thực hiện nghĩa vụ ghi nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất mà các bên đã thừa nhận.

Về nội dung của hợp đồng đổi quyền sử dụng đất giữa ông H và ông L, tuy là hợp đồng bằng miệng nhưng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 385 Bộ luật Dân sự. Việc thỏa thuận trao đổi đất giữa gia đình ông H và gia đình ông L có nội dung thuộc hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015, mục đích sử dụng đất không trái quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 501 Bộ luật Dân sự 2015. Bởi lẽ, việc thỏa thuận đổi đất của hai bên gia đình là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý chí của các bên, hai bên sử dụng đất ổn định. Như vậy xác định hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất có hiệu lực thi hành giữa các bên. Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy cần công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông H và ông L, buộc các bên giữ nguyên hiện trạng và thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Với phân tích như trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Xuân Đ bản án 04/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

[3]. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148; Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Không chấp nhận kháng cáo của của bà Hà Thị X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên nay là (Tòa án nhân dân khu vực 2 tỉnh Thái Nguyên)

2.Về án phí: Bà Hà Thị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước; xác nhận đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 001561 ngày 15/04/2025 của Thi hành án tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND khu vực 2 Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Văn Bản